

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt - Lào.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ Việt - Lào.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải đường bộ Việt - Lào.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05 tháng 07 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động vận tải hành khách theo quy định tại Phụ lục 18 của Thông tư này; Báo cáo kết quả hoạt động vận tải hàng hóa theo quy định tại Phụ lục 19 của Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình tổ chức quản lý hoạt động vận tải của địa phương

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt - Lào.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ Việt - Lào.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 10 tháng 07 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 của Thông tư này.

3. Báo cáo tình hình tổ chức quản lý hoạt động vận tải trên phạm vi toàn quốc

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt - Lào.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ Việt - Lào.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 07 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 của Thông tư này.”.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 21.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21: Chế độ báo cáo

1. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ Việt Nam - Campuchia.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05 tháng 07 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động vận tải hành khách theo quy định tại Phụ lục 18 của Thông tư này; Báo cáo kết quả hoạt động vận tải hàng hóa theo quy định tại Phụ lục 19 của Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình tổ chức quản lý hoạt động vận tải của địa phương

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ Việt Nam - Campuchia.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 10 tháng 07 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 của Thông tư này.

3. Báo cáo tình hình tổ chức quản lý hoạt động vận tải trên phạm vi toàn quốc

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ Việt Nam - Campuchia.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo

bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 07 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 của Thông tư này.”.

2. Bãi bỏ điểm k khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 22.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 8 như sau:

“13. Thực hiện cung cấp dữ liệu đã phân tích, tổng hợp trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải thông qua dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải đường bộ.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng tiếp theo của kỳ báo cáo.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 22 của Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 9 như sau:

“8. Thực hiện chế độ báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả xử lý vi phạm của địa phương và đơn vị kinh doanh vận tải.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo kết quả xử lý vi phạm của địa phương và đơn vị kinh doanh vận tải.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05 tháng tiếp theo của kỳ báo cáo.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 23 của Thông tư này.”.

3. Bãi bỏ khoản 9 Điều 10.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ như sau:

“Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Đối với hệ thống đường trung ương

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Cục Quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý quốc lộ.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước ngày 25 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm; Cục Quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý quốc lộ báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 20 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo của Tổng cục Đường bộ Việt Nam tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 15 tháng 6 của kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo của Cục Quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý quốc lộ tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 15 tháng 6 của kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

2. Đối với hệ thống đường địa phương

Các cơ quan quản lý đường bộ thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sở Giao thông vận tải báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện và các đường địa phương khác, đường chuyên dùng.

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

d) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm.

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

3. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các báo cáo khác theo quy định của pháp luật về kế hoạch đầu tư.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ như sau:

1. Bổ sung Điều 23a như sau:

“Điều 23a. Chế độ báo cáo

1. Tên báo cáo: Báo cáo tình hình cấp Giấy phép lưu hành xe.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo tình hình cấp Giấy phép lưu hành xe.

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải.

4. Cơ quan nhận báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng quý, năm.

7. Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý; báo cáo năm trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo đối với báo cáo quý và từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo năm.

9. Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 5a, Phụ lục 5b, Phụ lục 5c và Phụ lục 6 của Thông tư này.”.

2. Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 26.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ như sau:

“4. Chế độ báo cáo thực hiện như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác phòng, chống thiên tai.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo năm về công tác phòng, chống thiên tai kèm theo Kế hoạch phòng, chống thiên tai của năm sau và những kiến nghị, đề xuất (nếu có).

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Bộ Giao thông vận tải.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo

bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo của kỳ báo cáo.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục của Thông tư này.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 của Thông tư số 15/2020/TT-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ như sau:

“Điều 8. Quy định về công tác báo cáo

1. Báo cáo hoạt động của trạm thu phí

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị thu.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng tháng, 6 tháng đầu năm, năm.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng tháng trước ngày 10 của tháng tiếp theo; báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 10 của tháng 7 hàng năm; báo cáo năm trước ngày 28 tháng 02 của năm tiếp theo.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Báo cáo hàng tháng tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo; Báo cáo 06 tháng đầu năm tính từ ngày 01

tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm báo cáo; Báo cáo năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 1 đến Mẫu số 7 Phụ lục 1 của Thông tư này.

2. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng tài sản trạm thu phí

a) Tên báo cáo: Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị thu.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng đầu năm, cả năm.

g) Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 10 tháng 7 hàng năm; báo cáo cả năm trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Báo cáo 06 tháng đầu năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm báo cáo; Báo cáo cả năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 8 Phụ lục 1 của Thông tư này.

3. Đơn vị thu chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo. Riêng báo cáo cả năm về doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ phải có kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc xác nhận của cơ quan thuế.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ như sau:

“Điều 64. Quy định về chế độ báo cáo

1. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải của đơn vị

- a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động của bến xe.
- b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động của bến xe khách, bến xe hàng.
- c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị kinh doanh vận tải, bến xe khách.
- d) Cơ quan nhận báo cáo: Sở Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.
- đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.
- e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng tháng.
- g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 của tháng tiếp theo kỳ báo cáo
- h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo.
- i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 20 của Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ của địa phương

- a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải.
- b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa; hoạt động của các bến xe trên địa bàn.
- c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- d) Cơ quan nhận báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.
- đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.
- e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm.
- g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.
- h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến ngày 30 tháng 11 năm báo cáo.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 21 Thông tư này.

3. Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên phạm vi toàn quốc như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động vận tải.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa; hoạt động của các bến xe trên địa bàn.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm;

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến ngày 30 tháng 11 năm báo cáo.”

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 21 Thông tư này.”.

Điều 9. Bổ sung các Phụ lục quy định biểu mẫu báo cáo

1. Bổ sung Phụ lục 21 vào Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tương ứng Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung Phụ lục 21 vào Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia tương ứng Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bổ sung Phụ lục 22, Phụ lục 23 vào Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về

cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô tương ứng Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này

4. Bổ sung Phụ lục vào Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ tương ứng Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND và Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ GTVT (Bộ trưởng, các Thứ trưởng);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VP.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Đông



Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36 /2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục 21

Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào

**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM – LÀO

(Thời gian từ ngày /.../.... đến ngày .../.../....)

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam - Lào như sau:

1. Kết quả hoạt động vận tải đường bộ giữa hai nước Việt Nam – Lào:

.....
.....
.....
.....

2. Những khó khăn, vướng mắc (nếu có), kiến nghị đề xuất liên quan đến việc thực hiện Hiệp định để tạo thuận lợi cho hoạt động vận tải liên vận Việt Nam – Lào:

.....
.....
.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 2
(Ban hành kèm theo Thông tư số 36 /2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục 21

Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM – CAMPUCHIA
(Thời gian từ ngày /.../.... đến ngày .../.../....)

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia như sau:

1. Kết quả hoạt động vận tải đường bộ giữa hai nước Việt Nam – Campuchia:
.....
.....
.....
.....

2. Những khó khăn, vướng mắc (nếu có), kiến nghị đề xuất liên quan đến việc thực hiện Hiệp định để tạo thuận lợi cho hoạt động vận tải liên vận Việt Nam – Campuchia:
.....
.....
.....
.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 3**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36 /2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 22

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI THÔNG QUA DỮ LIỆU TỪ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi:

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư....., (tên cơ quan, đơn vị) báo cáo tình hình vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải thông qua dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của địa phương như sau:

STT	Số GTVT	Tổng số xe	Kết quả xử lý vi phạm tháng			Ghi chú
			Thu hồi phù hiệu 01 tháng (xe)	Xử phạt vi phạm hành chính (xe)	Cộng	

Nơi nhận:

- Như trên;
-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36 /2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:.....

PHỤ LỤC 23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI THÔNG QUA DỮ LIỆU TỪ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH

Kính gửi:.....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư....., (tên cơ quan, đơn vị) báo cáo kết quả xử lý vi phạm của địa phương và đơn vị kinh doanh vận tải như sau:

TT	Số GTVT	Tổng số xe	Vi phạm tốc độ tháng				Kết quả xử lý vi phạm tháng		Lũy kế đến hết tháng				Lũy kế xử lý vi phạm đến hết tháng		
			Số lần Vi phạm	Số phương tiện vi phạm tốc độ trên 5 lần /1000km	Số lần vi phạm /1000 Km	-/+ so với tháng	Thu hồi cấp phù hiệu (xe)	Xử phạt vi phạm hành chính (xe)	Số lần Vi phạm	Số phương tiện vi phạm tốc độ trên 5 lần /1000km	Số lần vi phạm /1000 Km	-/+ so với lũy kế tháng	Thu hồi cấp phù hiệu (xe)	Xử phạt vi phạm hành chính (xe)	

Nơi nhận:

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)





Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36 /2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục

Báo cáo công tác phòng, chống thiên tai

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO KINH PHÍ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI BDGT
 BƯỚC 1 TRÊN HỆ THỐNG QUỐC LỘ NĂM ...**

Kính gửi:.....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư....., (tên cơ quan, đơn vị)báo cáo công tác phòng, chống thiên tai như sau:

TT	Quốc lộ	Địa phận tỉnh	Kinh phí khắc phục	Ghi chú
1	QL.1			
2	QL.2			
3			

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)